

**Tổn , n nh©n d©n
Thịnh phè thanh ho ,
TỈNH THANH HÓA**

**céng hợp x · hếi chñ nghĩa viÖt Nam
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 70/ 2017/ HNGĐ-ST

Ngày: 23/8/2017

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Cát Tường
Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Thị Minh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2017/ TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2017/ QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị L - Sinh năm 1971

Bị đơn: Anh Vũ Văn D - Sinh năm 1966

Cùng địa chỉ: Đường A, phường Th, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị L trình bày: Chị và anh Vũ Văn D chung sống với nhau từ năm 1990, trên cơ sở tự nguyện. Vì anh chị sống ở nước ngoài nên cũng không tổ chức cưới hỏi và không đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống với nhau, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được mấy năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D sống gia trưởng, thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ con. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn đã được gia đình và bạn bè khuyên giải nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Từ tháng 5 năm 2016 chị L đã thuê nhà ra ở riêng, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm không còn nên đề nghị Toà án nhân dân thành phố H không công nhận chị và anh Vũ Văn D là vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh Vũ Văn D có hai con chung là cháu Vũ Anh T, sinh ngày 17/11/1991 và cháu Vũ Thị Linh C, sinh ngày 02/8/1995, hiện nay các cháu đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13/7/2017 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Vũ Văn D trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Vũ Văn D thống nhất như kiến trình bày của chị L. Anh và chị Vũ Thị L chung sống với nhau từ năm 1990, trên cơ sở tự nguyện. Do anh chị sống ở nước ngoài nên không đăng ký kết hôn. Từ khi về nước đến nay anh chị cũng không đi đăng ký kết hôn theo quy định. Từ khi chung sống với nhau, anh chị sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh cho rằng nếu chị L không cố chấp thì anh chị vẫn có thể đoàn tụ với nhau. Nay chị L làm đơn xin ly hôn, anh không đồng ý vì vẫn còn tình cảm với chị nhưng nếu chị L vẫn cương quyết thì anh cũng đồng ý. Tại phiên tòa anh đề nghị Tòa án không công nhận anh và chị L là vợ chồng.

- Về con chung: Anh và chị L có hai con chung là cháu Vũ Anh T, sinh ngày 17/11/1991 và cháu Vũ Thị Linh Ch, sinh ngày 02/8/1995, hiện nay các cháu đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và công nợ: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Vũ Thị L và anh Vũ Văn D là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn có địa chỉ tại thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] Về hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn Ng, huyện S, tỉnh Thanh Hóa; Chị Vũ Thị L và anh Vũ Văn D chung sống như vợ chồng từ năm 1990 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Các bên không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, như vậy là hôn nhân không hợp pháp. Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 3 Nghị quyết của Quốc Hội số 35 ngày 9 tháng 6 năm 2000: Không công nhận chị Vũ Thị L và anh Vũ Văn D là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị L và anh D thừa nhận có hai con chung là cháu Vũ Anh T, sinh ngày 17/11/1991 và cháu Vũ Thị Linh Ch, sinh ngày 02/8/1995, hiện nay các cháu đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị L và anh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án, chị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 8; Khoản 1 Điều 9 Khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Không công nhận chị Vũ Thị L và anh Vũ Văn D là vợ chồng

Về con chung: Công nhận Chị L và anh D có hai con chung là cháu Vũ Anh T, sinh ngày 17/11/1991 và cháu Vũ Thị Linh Ch, sinh ngày 02/8/1995, hiện nay các cháu đã thành niên, các cháu ở với ai tùy các cháu.

Về tài sản và công nợ: Chị L, anh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Án phí: Chị Vũ Thị L phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai số 0007409 ngày 30/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H (Chị L đã nộp đủ án phí). Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

N-i nhĒn:

- Các đương sự;
- VKSND TP H
- Chi cục THA- TP H;
- Lưu hồ sơ .

**TM.héi @ăng xĐt xö s- t hỀm
ThỀm ph , n - Chñ to¹ phi^an to^p**

Đã ký

Trương Thị Anh

